TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 540/2024/DS-PT
Ngày: 17/6/2024
Về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Cương

Các thẩm phán: 1. Bà Võ Thị Kim Thương

2. Bà Nguyễn Thị Huyền

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Võ Cao Hoàng Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà:* Bà Mai Thị Thanh Hòa – Kiểm sát viên.

Vào các ngày 11/06/2024 và ngày 17/06/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 340/2024/TLPT-DS ngày 08 tháng 4 năm 2024, về việc: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 01/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2073/2024/QĐPT-DS ngày 22 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 6385/2024/QĐ-PT ngày 15/5/2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Ông **Đinh Quốc K**, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Số B P, Khu phố B, phường P, Quận G Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Minh H**, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Số H ấp B, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: Số C N, xã N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Nguyễn Thị Hồng Đ**, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An;

Địa chỉ liên lạc: Số C N, xã N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Do bị đơn ông Nguyễn Minh H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng Đ kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 01/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Phiên tòa có mặt: Ông Đinh Quốc K, ông Nguyễn Minh H, bà Nguyễn Thị Hồng Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Ngày 29/5/2023 và ngày 07/7/2023, ông Đinh Quốc K có đơn khởi kiện ông Nguyễn Minh H tại Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh trình bày:*

Ngày 10/02/2023, ông K có cho ông Nguyễn Minh H và vợ là bà Nguyễn Thị Hồng Đ vay số tiền là 1.600.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền số 000470 được chứng thực tại Văn phòng C, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi ký hợp đồng vay, ông H và bà Đ hỏi vay thêm của ông K số tiền 75.000.000 đồng. Ông K đã cho vợ chồng ông H, bà Đ vay tổng cộng là 1.675.000.000 đồng. Việc giao nhận tiền được ông H ký xác nhận vào phía mặt sau của hợp đồng vay. Hai bên thống nhất thỏa thuận thời hạn cho vay là 12 tháng, lãi suất là 3% tháng và ông H sẽ trả lãi cho ông K vào ngày 11 hàng tháng, tiền lãi phát sinh được tính từ ngày 10/02/2023. Nhưng ông H và bà Đ đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả lãi như đã cam kết. Nhiều lần ông H trốn tránh không nghe điện thoại và không trả tiền lãi cho ông K. Ông K có đến nhà tìm ông H, bà Đ nhưng vẫn không gặp.

Ngày 29/5/2023, ông K có đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Minh H phải trả cho ông K một lần số tiền gốc là 1.600.000.000 đồng và tiền lãi 03 tháng là 158.400.000 đồng mà ông đã cho ông H vay. Sau đó, ngày 07/7/2023 ông K có đơn khởi kiện bổ sung gửi đến Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ yêu cầu Tòa án buộc ông H phải trả thêm cho ông K phần nợ gốc là 75.000.000 đồng và lãi suất tính từ 10/02/2023 tạm tính ngày 11/6/2023 là 9.000.000 đồng, tổng cổng là 84.000.000 đồng. Ngày 17/11/2023, ông K có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ buộc ông H và bà Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả một lần cho ông K số tiền nợ gốc là 1.675.000.000 đồng và tiền lãi suất tính đến ngày xét xử là 325.000.000 đồng. Tổng cộng tiền nợ gốc và lãi suất yêu cầu ông H, bà Đ phải trả là 2.000.000.000 đồng.

****** *Bị đơn ông Nguyễn Minh H trình bày:*

Việc ông K khởi kiện yêu cầu ông H trả số tiền 1.675.000 đồng là không có cơ sở. Lý do vào 28/12/2020, ông H có mượn của ông K 700.000.000 đồng để giao dịch bất động sản (mua lô đất thửa 3595, tờ bản đồ số 02, diện tích 190 m^2, tại ấp A, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An). Để đảm bảo số tiền bỏ ra ông K yêu cầu

được đứng tên trong hợp đồng chuyển nhượng và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ủy quyền cho ông H đi làm thủ tục sang tên. Ngày 14/01/2021, ông H hoàn tất thủ tục chuyển nhượng và ông K đã đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông H nhận giấy đất, cất giữ đến khi có người mua thì ông K ra công chứng, tiền lãi được ông K tính 1%/ngày. Do dịch bệnh không tìm được khách hàng, ông H đóng lãi cho ông K được khoảng 4 tháng thì không đóng nữa.

Ngày 28/12/2022, ông K yêu cầu ông H cho mượn lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên để cầm cho ông Thông số tiền 400.000.000 đồng và hứa sẽ chuộc lại khi có người mua lô đất trên, lời lãi sẽ tính sau khi ông H cho ông K mượn giấy đất. Ngày 10/02/2023, ông K cùng đồng bọn dùng áp lực ép ông H đến phòng công chứng để ký hợp đồng vay số tiền là 1.675.000.000 đồng nhưng thật tế ông H không có nhận tiền. Vì vậy ông H không đồng ý trả số tiền 1.675.000.000 đồng và lãi suất theo như yêu cầu của ông K.

Ông Nguyễn Minh H xác nhận chữ ký, chữ viết trong hợp đồng vay tiền ngày 10/02/2023 giữa bên cho vay là ông Đinh Quốc K và bên vay là ông Nguyễn Minh H được chứng thực tại Văn phòng C là do ông Nguyễn Minh H ký, viết tên trong hợp đồng. Chữ ký, chữ viết xác nhận đã nhận đủ tiền 1.675.000.000 đồng (một tỷ sáu trăm bảy mươi lăm triệu đồng) ghi trang sau của hợp đồng cũng do ông Nguyễn Minh H ký, viết tên. Các tài liệu chứng cứ có liên quan đến vụ án ông H đã cung cấp hết cho Tòa án. Đối với tài liệu chứng minh ông K ép buộc ông H ký hợp đồng vay tiền tại Văn phòng công chứng Nguyễn Tấn T thì ông H không có để cung cấp cho Tòa án.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng Đ trình bày:*

Bà Đ xác định là vợ hợp pháp của ông Nguyễn Minh H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Việc ông H (chồng bà Đ) ký hợp đồng vay tiền của ông K tại Văn phòng công chứng Nguyễn Tấn T thì bà Đ hoàn toàn không biết và cũng không đến Văn phòng công chứng. Bà Đ không đồng ý liên đới nghĩa vụ với ông H trả cho ông K số tiền là 1.675.000.000 đồng và lãi suất theo yêu cầu của ông K.

*** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 01/02/2024 của Tòa án nhân dân Huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:**

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông Đinh Quốc K.

Hủy hợp đồng vay tiền số 000470 ký ngày 10/02/2023 giữa ông Đinh Quốc K với ông Nguyễn Minh H được chứng thực tại Văn phòng C.

Buộc ông Nguyễn Minh H và bà Nguyễn Thị Hồng Đ liên đới nghĩa vụ trả cho ông Đinh Quốc K số tiền vay và lãi suất là 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) trả một lần khi bản án có hiệu lực.

Kể từ ngày ông K có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông H, bà Đ chưa thi hành xong nghĩa vụ trả tiền thì ông H, bà Đ còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất do Ngân hàng N qui định tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo qui định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2023/QĐ-BPKCTT, ngày 08/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo cho việc Thi hành án.

Ông Đinh Quốc K được liên hệ với Ngân hàng N1 Chi nhánh C1 nhận lại số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng) theo Quyết định buộc thực hiện biện pháp đảm bảo số 04/2023/QĐ-BPĐB, ngày 07/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

* Ngày 22/02/2024 bị đơn ông Nguyễn Minh H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng Đ cùng nộp đơn kháng cáo.

* *Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Người khởi kiện không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người kháng cáo trình bày:

Bị đơn ông Nguyễn Minh H kháng cáo toàn bộ bản án: Ông H yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm do nội dung bản án sơ thẩm không phản ánh đúng thực tế sự việc giữa ông Đinh Quốc K và ông Nguyễn Minh H.

- Ông H trình bày: Trong hợp đồng vay tiền ngày 10/2/2023 thời hạn vay là 12 tháng tức là đến ngày 10/02/2024 mới hết hạn vay thì sau thời gian này ông K mới có quyền khởi kiện. Tuy nhiên, đến ngày 29/05/2023 ông K khởi kiện là không đúng với thỏa thuận của hợp đồng

- Hợp đồng vay tiền ngày 10/02/2023 do ông K uy hiếp bắt ông H phải ký tên, thực tế ông H không có nhận tiền. Số tiền 1.675.000.000 đồng trong hợp đồng vay tiền trên bắt nguồn từ số tiền 700.000.000 đồng ông H mượn ông K mua đất để lướt sóng đứng tên ông K, ông K giao tiền cho người bán và đứng tên trên giấy chứng nhận (thửa đất số 3595, tờ bản đồ số 2, diện tích 190m^2, tại ấp A, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An) và số tiền 350.000.000 do ông H, bà Đ vay của ông K có cầm sổ đất (tại thửa 114, tờ bản đồ số 4, ấp A xã B, huyện Đ, tỉnh Long An) cộng với lãi suất 625.000.000 đồng nhưng ông H không cung cấp

được chứng cứ chứng minh việc ông K uy hiếp ông H ký hợp đồng vay tiền cũng như không cung cấp được chứng cứ chứng minh thể hiện việc liên quan giữa số tiền 350.000.000 đồng và 700.000.000 đồng đối với số tiền 1.675.000.000 đồng trong hợp đồng vay tiền trên

- Ông K không có quyền đơn phương phong tỏa tài sản của ông H khi chưa thông qua ý kiến của ông H.

- Ông H và bà Đ là vợ chồng đến nay vẫn còn tồn tại mối quan hệ vợ chồng. Ông H vay tiền của ông K để làm ăn phục vụ chi tiêu gia đình. Nay ông H và bà Đ đồng ý trả cho ông K số tiền 1.675.000.000 đồng theo hợp đồng vay tiền trên và ông K phải trả lại cho vợ chồng ông H, bà Đ thửa đất số 114, tờ bản đồ số 4 và thửa đất số 3595, tờ bản đồ số 2, tại huyện Đ, tỉnh Long An mà ông H và bà Đ đã cầm cố cũng như nhờ ông K đứng tên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng Đ trình bày:

Bà Đ là vợ ông Nguyễn Minh H, ông H làm nghề kinh doanh bất động sản. Ông H có đem tiền về lo cho kinh tế gia đình nhưng việc vay tiền giữa ông H và ông K vào ngày 10/02/2023 thì bà Đ không biết và bà Đ cũng không có ký tên vào hợp đồng vay tiền cũng như không có nhận tiền của ông K nên bà Đ không đồng ý với lời trình bày của ông K. Trước đây, bà Đ với ông H có cầm cố thửa đất số 114, tờ bản đồ số 4, ấp A xã B, huyện Đ, tỉnh Long An cho ông K để vay tiền. Bà Đ không đồng ý về việc ông K đơn phương yêu cầu phong tỏa tài sản của bà Đ với ông H khi chưa thông qua ý kiến của bà Đ và khi sự việc chưa rõ ràng. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của ông K thì bà Đ đồng ý cùng ông H trả cho ông K số tiền 1.675.000.000 đồng của hợp đồng vay tiền trên và ông K phải trả lại cho vợ chồng bà Đ, ông H thửa đất số 114, tờ bản đồ số 4 và thửa đất số 3595, tờ bản đồ số 2 tại huyện Đ, tỉnh Long An mà ông H và bà Đ đã cầm cố cũng như để ông K đứng tên.

Nguyên đơn ông Đinh Quốc K trình bày:

- Ông K không đồng ý với lời trình bày của ông H, bà Đ. Thửa đất số 3595, tờ bản đồ số 2, tại ấp A, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An là do ông K bỏ tiền ra mua vào khoảng năm 2000 và đã cập nhật sang tên ông K trên giấy chứng nhận, ông K đã nhận đất và san lấp đất từ đó đến nay không có tranh chấp, ông H chỉ là người môi giới cho ông K mua đất. Việc ông H, bà Đ trình bày cầm cố thửa đất thửa đất số 114, tờ bản đồ số 4 cho ông K để vay số tiền 350.000.000 đồng là thỏa thuận khác được lập giữa các bên không có liên quan gì đến số tiền 1.675.000.000 đồng trong hợp đồng vay trên.

- Hợp đồng vay tiền ngày 10/02/2023 được lập tại Phòng C2, Thành phố Hồ Chí Minh, ông K đã đưa tiền mặt cho ông H, sau khi kiểm tra đủ số tiền thì

ông H ký tên xác nhận đã nhận đủ số tiền 1.675.000.000 đồng ở mặt sau của hợp đồng. Hai bên thỏa thuận lãi suất là 3%/ tháng nhưng từ khi ký hợp đồng vay tiền đến nay ông H không thanh toán tiền lãi và vốn cho ông K.

- Ông K với ông H, bà Đ đã có giao dịch làm ăn nhiều lần nên biết nhau. Khi thỏa thuận vay số tiền trên thì có bà Đ và ông H nhưng khi ký hợp đồng do bà Đ có việc và về trước để đón con. Do tin tưởng và do công chứng có giải thích là ký trong thời kỳ hôn nhân nên một người ký cũng được và số tiền vay trên ông H, bà Đ đều biết, ông H sử dụng số tiền trên để phát triển kinh tế gia đình, ông H là nguồn kinh tế chính của gia đình. Sau nhiều lần hứa hẹn thì ông H, bà Đ vẫn không thực hiện trả tiền cho ông K nên ông K có báo lên công an xã N, huyện N can thiệp thì vợ chồng ông H, bà Đ cam kết là sau lễ 30/4/2023 sẽ thanh toán tiền cho ông K nhưng vợ chồng ông H, bà Đ không thanh toán nên ông K khởi kiện.

- Ông H, bà Đ né tránh ông K và có dấu hiệu tẩu tán tài sản như bán đất, bán xe nên ông K yêu cầu Tòa án áp dụng khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của ông H, bà Đ để đảm bảo thi hành án cho ông K.

- Việc ông H, bà Đ cho rằng ông K uy hiếp, đe dọa là hoàn toàn không có, hợp đồng vay tiền trong phòng công chứng có camera ghi lại, có nhiều công chứng viên, khách hàng giao dịch và sát bên trụ sở công an huyện N nên ông H nói ông K uy hiếp ông H là hoàn toàn không có.

- Đối với số tiền 350.000.000 đồng (do cầm cố giấy tờ thửa đất số 114) và số tiền 700.000.000 đồng (đối với việc mua đất tại thửa đất số 3595) cũng như việc ông H mượn giấy tờ của ông K để vay tiền của ông T1 là những giao dịch độc lập khác giữa ông K với ông H, bà Đ và ông T1 không có liên quan với hợp đồng vay tiền trên. Nếu ông H cho rằng có liên quan đề nghị ông H chứng minh.

- Giấy vay nợ ngày 28/12/2022 ông H cung cấp là giấy photo đã bị cắt bỏ nhiều nội dung quan trọng, ông K yêu cầu ông H cung cấp bản chính. Thực tế là ông H mượn giấy tờ của ông K để đi vay mượn tiền của ông T1 nhưng các việc đó không liên quan đến việc ông K khởi kiện ông H, bà Đ trong hợp đồng vay tiền ngày 10/02/2023.

Nay ông K đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của đương sự làm trong hạn luật định nên hợp lệ, đề nghị Tòa án chấp nhận. Hội đồng xét xử và những người tham gia phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Minh H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về hình thức và thời hạn kháng cáo: Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vào ngày 01/02/2024, ngày 20/02/2024 bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được tống đạt bản án sơ thẩm, ngày 22/02/2024 bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nộp đơn kháng cáo. Bị đơn đã nộp đơn kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Minh H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng Đ hợp lệ và được chấp nhận.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản; bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm. Do có kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Minh H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng Đ nên căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Minh H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng Đ.

[2.1] Về tố tụng:

[2.1.1] Về quyền khởi kiện: Bị đơn trình bày hợp đồng vay tiền ngày 10/2/2023 thời hạn vay là 12 tháng tức là đến ngày 10/02/2024 mới hết hạn vay thì sau thời gian này ông K mới có quyền khởi kiện. Tuy nhiên, đến ngày 29/05/2023 ông K khởi kiện là không đúng với thỏa thuận của hợp đồng.

Xét, căn cứ vào lời trình bày của ông K, ông H; Căn cứ vào hợp đồng vay tiền ngày 10/02/2023 và thỏa thuận giữa ông K với ông H thể hiện lãi suất là 3%/ tháng, ngày 10/2/2023 bắt đầu phát sinh tiền lãi, trả lãi vào ngày 11 hàng tháng. Theo điều 4 của hợp đồng thể hiện "Bên B (ông H) có nghĩa vụ trả tiền vay và tiền lãi cho bên A (ông K) theo đúng thời hạn, nếu đến hạn mà bên B không thanh toán trả đủ số tiền vay, tiền lãi theo qui định cho bên A mà hai bên không có thỏa thuận nào khác thì bên A có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành các thủ tục cần thiết để thu hồi số tiền cho bên A theo luật định. Do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền lãi theo thỏa thuận nên ông K khởi kiện là phù hợp với thỏa thuận của hợp đồng vay tiền và Điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.1.2] Bà Đ cho rằng bà Đ không biết, không nhận được thư mời để tham gia xét xử vụ án tại Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ.

Xét, căn cứ các biên bản tống đạt thể hiện: tại bút lục số 54-biên bản tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử có chữ ký của ông H, bà Đ; bút lục số 56 – biên bản tống đạt quyết định tạm ngừng phiên tòa có chữ ký của ông H, bà Đ; bút lục số 60 – biên bản tống đạt quyết định hoãn hoãn phiên tòa, ông H nhận thay bà Đ. Các biên bản tống đạt phù hợp với quy định tại Điều 174, Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Đ.

[2.2] Về nội dung:

[2.2.1] Về số tiền gốc vay:

Ông H trình bày số tiền 1.675.000.000 đồng trong hợp đồng vay tiền ngày 10/02/2023 bắt nguồn từ số tiền 700.000.000 đồng ông H mượn ông K mua đất (thửa đất số 3595, tờ bản đồ số 2) để lướt sóng đứng tên ông K, ông K giao tiền cho người bán và đứng tên trên giấy chứng nhận, cộng với số tiền ông H, bà Đ cầm cố sổ đất (tại thửa số 114, tờ bản đồ số 4) vay của ông K số tiền 350.000.000 đồng và tiền lãi là 625.000.000 đồng nhưng ông H và bà Đ không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của ông H, không cung cấp được chứng cứ chứng minh thể hiện số tiền 1.675.000.000 đồng trong hợp đồng vay tiền trên xuất phát hay có liên quan từ các khoản vay mượn 350.000.000 đồng và 700.000.000 đồng cộng với tiền lãi và ông K không đồng ý với lời trình bày trên của ông H, bà Đ nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

Ông H trình bày ông K đã uy hiếp, bắt ông H phải ký tên vào hợp đồng vay tiền ngày 10/02/2023, thực tế ông H không có nhận tiền nhưng ông H không cung cấp được chứng cứ chứng minh và ông K không đồng ý với lời trình bày của ông H nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

Căn cứ vào hợp đồng vay tiền ngày 10/02/2023 được lập tại Văn phòng C có chữ ký của ông H và ở mặt sau của hợp đồng vay tiền ông H ký tên xác nhận đã nhận đủ số tiền 1.675.000.000 đồng nên đủ cơ sở xác nhận ông H đã nhận đủ số tiền 1. 675.000.000 đồng.

[2.2.2] Về số tiền lãi:

Xét, ông K yêu cầu trả lãi suất là 325.000.000 đồng tính từ khi ký hợp đồng vay (ngày 10/02/2023) đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 01/02/2024) với mức lãi suất là 1,66%/tháng là phù hợp với Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên ông H, bà Đ còn phải chịu lãi suất nếu chưa thi hành xong nghĩa vụ trả tiền, tuy nhiên cần điều chỉnh theo qui định của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 như sau "Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 02/02/2024) cho đến khi thi hành án xong, ông H và bà Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2.3] Về trách nhiệm thanh toán:

Xét, hợp đồng vay tiền ngày 10/02/2023 tuy chỉ có ông H ký tên nhưng việc vay tiền được xác lập trong thời kỳ hôn nhân của ông H với bà Đ. Mục đích ông H vay tiền của ông K là để làm ăn phát triển kinh tế gia đình, phục vụ sinh hoạt gia đình. Bà Đ cũng xác nhận ông H đi làm có đem tiền về để sinh hoạt gia đình. Ông H, bà Đ đồng ý cùng trả số tiền theo hợp đồng vay tiền ngày 10/02/2023 cho ông K nên nguyên đơn yêu cầu ông H và bà Đ cùng thanh toán số tiền nợ theo hợp đồng vay tiền ngày 10/02/2023 là phù hợp với Điều 37, Điều 45 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2.4] Đối với yêu cầu của ông H và bà Đ về việc ông K trả lại thửa đất số 3595, tờ bản đồ số 2 và thửa đất số 114, tờ bản đồ số 4 tại huyện Đ, tỉnh Long An

Xét, tại phiên tòa sơ thẩm ông H, bà Đ không có yêu cầu về việc ông K trả lại thửa đất số 3595, tờ bản đồ số 2 và thửa đất số 114, tờ bản đồ số 4 và tại phiên tòa phúc thẩm ông H, bà Đ không cung cấp được chứng cứ chứng minh thể hiện số tiền 1.675.000.000 đồng trong hợp đồng vay tiền xuất phát hay có liên quan đến hai thửa đất trên nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[2.2.5] Đối với việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời về việc phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ: Hội đồng xét xử xét thấy, bản án sơ thẩm tuyên tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2023/QĐ-BPKCTT, ngày 08/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ

Chí Minh để đảm bảo cho việc thi hành án và ông Đinh Quốc K được liên hệ với Ngân hàng N1 Chi nhánh C1 nhận lại số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng) theo Quyết định buộc thực hiện biện pháp đảm bảo số 04/2023/QĐ-BPĐB, ngày 07/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với qui định pháp luật.

[2.3] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Minh H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật trên số tiền phải trả cho nguyên đơn ông Đinh Quốc K là phù hợp Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Minh H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận theo quy định tại Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

1. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Minh H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng Đ. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 01/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.1 Về quan hệ tranh chấp:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông Đinh Quốc K.

Hủy hợp đồng vay tiền số 000470 ký ngày 10/02/2023 giữa ông Đinh Quốc K với ông Nguyễn Minh H được chứng thực tại Văn phòng C.

Buộc ông Nguyễn Minh H và bà Nguyễn Thị Hồng Đ liên đới nghĩa vụ trả cho ông Đinh Quốc K số tiền vay và lãi suất là 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng). Trong đó tiền gốc là 1.675.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 10/02/2023 đến ngày 01/02/2024 là 325.000.000 đồng. Trả một lần khi bản án có hiệu lực.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 02/02/2024) cho đến khi thi hành án xong, ông H và bà Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2023/QĐ-BPKCTT, ngày 08/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo cho việc Thi hành án.

Ông Đinh Quốc K được liên hệ với Ngân hàng N1 Chi nhánh C1 nhận lại số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng) theo Quyết định buộc thực hiện biện pháp đảm bảo số 04/2023/QĐ-BPĐB, ngày 07/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2 Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Minh H và bà Nguyễn Thị Hồng Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 72.000.000 đồng (bảy mươi hai triệu đồng) và nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Hoàn lại cho ông Đinh Quốc K số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 32.376.000 đồng (ba mươi hai triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai số 0046322 ngày 31/5/2023 và tiền tạm ứng án phí khởi kiện bổ sung là 2.100.000 đồng (hai triệu một trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0046397 ngày 06/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Nguyễn Minh H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0034562 ngày 26/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Nguyễn Thị Hồng Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0034561 ngày 26/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-TAND tối cao;
-TAND cấp cao tại TP.HCM;
-VKSND TP.HCM;
-TAND huyện Cần Giờ;
-Chi Cục THADS huyện Cần Giờ;
-Các đương sự;
-Lưu (20).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Cương